

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Tân An (đợt 3)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN AN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 66/2026/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân An về dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương trên địa bàn xã Tân An năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Tân An (đợt 1);

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi

ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Tân An (đợt 2);

Xét Tờ trình số 165/TTr-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Tân An (đợt 3); Báo cáo thẩm tra số 62/BC-BKTNS ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn xã Tân An (đợt 3) như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên đối với các khoản kinh phí đã hết nhiệm vụ chi của các cơ quan, đơn vị: 1.604.840.000 đồng

- Điều chỉnh giảm dự toán chi an ninh của Văn phòng HĐND và UBND xã: 3.600.000 đồng

- Điều chỉnh giảm dự toán chi quốc phòng của Ban Chỉ huy quân sự xã: 3.600.000 đồng

- Điều chỉnh giảm dự toán chi đảm bảo xã hội của Phòng Văn hóa – Xã hội: 899.640.000 đồng

- Điều chỉnh giảm dự toán chi quản lý nhà nước của Văn phòng HĐND và UBND xã: 698.000.000 đồng

2. Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương

a) Bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước từ nguồn ngân sách xã:

15.431.335.815 đồng

- **Nguồn thu chi đầu tư phát triển: 9.000.000.000 đồng**

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026: 9.000.000.000 đồng

- **Nguồn thu chi thường xuyên: 6.431.335.815 đồng**

+ Nguồn cải cách tiền lương của xã: 6.064.622.415 đồng

+ Nguồn kết dư ngân sách xã: 366.713.400 đồng

b) Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương: 15.431.335.815 đồng

- **Chi đầu tư phát triển: 9.000.000.000 đồng**

+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026: 9.000.000.000 đồng

- **Chi thường xuyên: 6.431.335.815 đồng**

+ Chi Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể:	521.636.000 đồng
+ Chi quốc phòng:	366.713.400 đồng
+ Chi sự nghiệp y tế, dân số:	176.964.000 đồng
+ Chi các hoạt động kinh tế:	52.269.000 đồng
+ Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:	2.663.909.000 đồng
+ Chi nộp ngân sách cấp trên:	2.649.844.415 đồng

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo mục tiêu sử dụng ngân sách hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của xã, không để xảy ra trục lợi chính sách; báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, kiến nghị và nguyện vọng của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân An khóa XIII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 05 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND thành phố Đồng Nai;
- UBND thành phố Đồng Nai;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Ban Biên tập Trang thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Lưu: VT, TH HĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Đỗ Kim Chi



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN AN

Phụ lục 1

ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN KINH PHÍ ĐÃ HẾT NHIỆM VỤ CHI CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
(Đính kèm Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Tân An)

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn ngân sách thành phố cấp bổ sung	Nguồn giao dự toán đầu năm 2026	Ghi chú
TỔNG CỘNG			-1.604.840.000	-4.000.000	-1.600.840.000	
I	Chi an ninh		-3.600.000	0	-3.600.000	
	Văn phòng HĐND và UBND xã	Dự toán kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên đán cho lực lượng an ninh trật tự cơ sở	-3.600.000		-3.600.000	
II	Chi quốc phòng		-3.600.000	0	-3.600.000	
	Ban Chỉ huy quân sự xã	Dự toán kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên đán cho lực lượng dân quân tự vệ	-3.600.000		-3.600.000	
III	Chi đảm bảo xã hội		-899.640.000	-4.000.000	-895.640.000	
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Dự toán kinh phí hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán (các đối tượng theo Điểm a, b của Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai)	-4.000.000	-4.000.000		
	Phòng Văn hóa - Xã hội xã	Dự toán kinh phí hỗ trợ Tết Nguyên đán cho các đối tượng bảo trợ xã hội,...	-895.640.000		-895.640.000	
IV	Chi Quản lý nhà nước		-698.000.000	0	-698.000.000	
	Văn phòng HĐND và UBND xã	Dự toán kinh phí chi hoạt động tổ nhân dân	-698.000.000		-698.000.000	



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ TÂN AN

Phụ lục 2

BIỂU CÂN ĐỐI BỔ SUNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÂN AN (ĐỢT 3)

(Đính kèm Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Tân An)

DVT: Đồng

A	NGUỒN THU	SỐ TIỀN	B	NHU CẦU CHI	ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN	TỜ
	TỔNG THU	15.431.335.815		TỔNG CHI		15.431.335.815	-
I	Nguồn ngân sách xã	15.431.335.815	I	Nguồn ngân sách xã		15.431.335.815	-
1	Chi đầu tư phát triển	9.000.000.000	1	Chi đầu tư phát triển		9.000.000.000	
	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026	9.000.000.000		Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026	Các chủ đầu tư trên địa bàn xã	9.000.000.000	
2	Chi thường xuyên	6.431.335.815	2	Chi thường xuyên		6.431.335.815	-
2.1	Nguồn cải cách tiền lương của xã	6.064.622.415		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã, Trạm Y tế xã, Trường MN Tân an, Trường TH Tân An, Trường TH Vĩnh Tân, Trường THCS Tân An	3.178.519.000	
				Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã, Phòng Văn hóa - Xã hội xã, Trung tâm phục vụ hành chính công xã, Văn phòng Đảng ủy xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã, Trạm Y tế xã, Trường MN Tân an, Trường TH Tân An, Trường TH Vĩnh Tân, Trường THCS Tân An	176.448.000	
				Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp trách nhiệm cấp ủy theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	Văn phòng Đảng ủy xã	8.550.000	
				Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp HĐND theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	Văn phòng HĐND và UBND xã	10.431.000	
				Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp người hoạt động không chuyên trách các ấp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	Văn phòng HĐND và UBND xã	29.681.000	
				Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp người hoạt động trực tiếp tại các ấp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	Văn phòng HĐND và UBND xã	11.149.000	
				Nộp ngân sách cấp trên theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Văn bản số 97/KTNN-TH ngày 29/6/2026 của Kiểm toán nhà nước về báo cáo kiểm toán NSDP, báo cáo Quyết toán NSDP năm 2025	Ngân sách xã	2.649.844.415	
2.2	Nguồn kết dư ngân sách xã	366.713.400		Bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng phát sinh trong năm 2026	Ban Chỉ huy quân sự xã	366.713.400	



TỔNG HỢP BỔ SUNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ TÂN AN (ĐỢT 3)
(Đính kèm Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Tân An)

ĐVT: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Trong đó			Ghi chú
				Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026	Nguồn cải cách tiền lương của xã	Nguồn kết dư ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG		15.431.335.815	9.000.000.000	6.064.622.415	366.713.400	
A	Chi đầu tư phát triển		9.000.000.000	9.000.000.000	-	-	
	Các chủ đầu tư trên địa bàn xã	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026	9.000.000.000	9.000.000.000			
B	Chi thường xuyên		6.431.335.815	-	6.064.622.415	366.713.400	
I	Chi Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể		521.636.000	-	521.636.000	-	-
1	Văn phòng HĐND và UBND xã		155.643.000	-	155.643.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	98.112.000		98.112.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	6.270.000		6.270.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp HĐND theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	10.431.000		10.431.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp người hoạt động không chuyên trách các ấp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	29.681.000		29.681.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp người hoạt động trực tiếp tại các ấp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	11.149.000		11.149.000		
2	Phòng Văn hóa - Xã hội xã		61.311.000		61.311.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	57.515.000		57.515.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	3.796.000		3.796.000		

DVT: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Trong đó			Ghi chú
				Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026	Nguồn cải cách tiền lương của xã	Nguồn kết dư ngân sách xã	
3	Phòng Kinh tế xã		90.644.000		90.644.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	84.991.000		84.991.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	5.653.000		5.653.000		
4	Trung tâm phục vụ hành chính công xã		19.548.000		19.548.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	18.105.000		18.105.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	1.443.000		1.443.000		
5	Văn phòng Đảng ủy xã		133.932.000	-	133.932.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	118.184.000		118.184.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	7.198.000		7.198.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch phụ cấp trách nhiệm cấp ủy theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	8.550.000		8.550.000		
6	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã		60.558.000		60.558.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	56.991.000		56.991.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	3.567.000		3.567.000		
II	Chi quốc phòng		366.713.400	-	-	366.713.400	
1	Ban Chỉ huy quân sự xã		366.713.400	-	-	366.713.400	
		Bổ sung kinh phí hỗ trợ tiền ăn và tiền công cho lực lượng Trung đội dân quân cơ động tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Lễ công bố thành lập TP Đồng Nai	39.160.800			39.160.800	

DVT: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Trong đó			Ghi chú
				Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026	Nguồn cải cách tiền lương của xã	Nguồn kết dư ngân sách xã	
		Bổ sung kinh phí tiền ăn thêm ngày lễ 02/9 cho lực lượng dân quân thường trực	4.032.000			4.032.000	
		Bổ sung kinh phí tổ chức huy động lực lượng dự bị động viên	9.000.000			9.000.000	
		Bổ sung kinh phí hỗ trợ nhiên liệu phương tiện cơ động làm nhiệm vụ tuần tra năm 2026	36.000.000			36.000.000	
		Bổ sung kinh phí thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm 2027	107.095.000			107.095.000	
		Bổ sung kinh phí thực hiện công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh năm 2026	23.128.000			23.128.000	
		Bổ sung kinh phí thuê xe thăm, động viên Đội K72/Bộ CHQS thành phố Đồng Nai làm nhiệm vụ quy tập hài cốt liệt sỹ tại xã Minh Đức thành phố Đồng Nai	10.000.000			10.000.000	
		Bổ sung kinh phí tiền ăn, tiền công cho 02 trung đội dân quân cơ động bảo vệ cao điểm lễ 02/9	138.297.600			138.297.600	
III	Chi sự nghiệp y tế, dân số		176.964.000		176.964.000	-	
1	Trạm Y tế xã		176.964.000		176.964.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	166.605.000		166.605.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	10.359.000		10.359.000		
IV	Chi các hoạt động kinh tế		52.269.000		52.269.000	-	
1	Chi sự nghiệp kinh tế khác		52.269.000		52.269.000	-	
	Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp xã		52.269.000		52.269.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	48.377.000		48.377.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	3.892.000		3.892.000		
V	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo		2.663.909.000	-	2.663.909.000	-	

DVT: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Trong đó			Ghi chú
				Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2026	Nguồn cải cách tiền lương của xã	Nguồn kết dư ngân sách xã	
1	Trường MN Tân An		469.793.000	-	469.793.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	446.589.000		446.589.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	23.204.000		23.204.000		
2	Trường TH Tân An		872.336.000	-	872.336.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	828.522.000		828.522.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	43.814.000		43.814.000		
3	Trường TH Vĩnh Tân		402.184.000	-	402.184.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	382.232.000		382.232.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	19.952.000		19.952.000		
4	Trường THCS Tân An		919.596.000	-	919.596.000	-	
		Bổ sung kinh phí chênh lệch lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	872.296.000		872.296.000		
		Bổ sung kinh phí chênh lệch thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	47.300.000		47.300.000		
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.649.844.415		2.649.844.415	-	
	Ngân sách xã	Nộp ngân sách cấp trên theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước tại Văn bản số 97/KTNN-TH ngày 29/6/2026 của Kiểm toán nhà nước về báo cáo kiểm toán NSDP, báo cáo Quyết toán NSDP năm 2025 đối với kinh phí ngân sách cấp trên cấp bổ sung, trong khi nguồn CCTL của xã đảm bảo thực hiện chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định 154/2025/NĐ-CP, Nghị định 73/2024/NĐ-CP...	2.649.844.415		2.649.844.415		